

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt bổ sung danh sách các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh năm 2024**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Ủy Ban Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Nam tại Tờ trình số 09/TTr-QBV&PTR-BĐH ngày 10/4/2024,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt bổ sung danh sách các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng phải chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh năm 2024.

(Chi tiết tại Biểu đính kèm)

**Điều 2.** Giao Ủy Ban Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị sử dụng dịch vụ môi trường rừng triển khai thực hiện chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Công Thương, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Ủy Ban Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có sử dụng dịch vụ môi trường rừng và các cơ quan liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP;
- Lưu VT, TH, KTN.

D:\Dropbox\minh tam b\Nam 2024\Quyết định\04 22 phê duyệt  
bổ sung do vi su dung DVMTR 2024.doc

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hồ Quang Bửu**

**Phụ lục**  
**DANH SÁCH BỔ SUNG CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG**  
**PHẢI CHI TRẢ TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NĂM 2024**  
(Kèm theo Quyết định số 1002 /QĐ-UBND ngày 24/4/2024 của UBND tỉnh Quảng Nam)

TT	Đơn vị sử dụng DVMTR	Địa chỉ đơn vị	Số Giấy phép	Ngày cấp phép	Sản lượng nước theo giấy phép đăng ký (m³/ngđ)		Ghi chú
					Nước mặt	Nước ngầm	
I	Các cơ sở công nghiệp sử dụng nước phục vụ sản xuất công nghiệp						
1	Công ty TNHH Vân Long	CCN Đại Hiệp, xã Đại Hiệp, huyện Đại Lộc	468/GP-STNMT	13/07/2023		190	
2	Công ty TNHH Nguyên liệu giấy Bình An Phú (Nhà máy sản xuất dăm gỗ)	CCN Tài Đa, thôn 4, xã Tiên Phong, huyện Tiên Phước	444/GP-STNMT	23/06/2023		15	
3	Công ty TNHH sản xuất và thương mại Phú Toàn	CCN Hà Lam - Chợ Được, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình	1677/GP-UBND	21/06/2021		80	
4	Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Khoáng sản Quảng Nam	Thôn Ngọc Sơn, xã Bình Phục, huyện Thăng Bình	3051/GP-UBND	02/11/2020		180	
5	Công ty TNHH MTV Bê tông Hiệp Hưng (nhà máy bê tông Hiệp Hưng)	CCN Đại An, TT Ái Nghĩa, Đại Lộc	4139/GP-UBND	19/12/2019		147	
6	Công ty TNHH Sản xuất Thành Sơn	CCN Quế Cường, huyện Quế Sơn	3733/GP-UBND	14/11/2019		18	
7	Công ty TNHH Sản xuất và Xây dựng Sơn Sáu Sang (Nhà máy sản xuất bê tông thương phẩm và vật liệu xây dựng)	Thôn 2, Quế Cường, Quế Sơn	882/GP-UBND	30/03/2020		360	
II	Cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch						
8	Công ty Cổ phần Xây dựng Toàn Tiến (nhà máy nước sạch Bắc Trà My)	Số 100 đường Hồ Nghinh, phường Tân Thạnh, Tam Kỳ	02/GP-STNMT	03/01/2023	2.000		
9	Hợp tác xã Duy Sơn	Thôn Chiêm Sơn, xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên	1285/GP-UBND	13/05/2020	500		
10	Công ty Cổ phần An Thịnh Quảng Nam	KCN Đông Quế Sơn, thị trấn Hương An, huyện Quế Sơn	442/QĐ-STNMT	04/07/2022		2.900	